**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-PT
Ngày 29 - 01 - 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thi

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Võ Văn Lịnh

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Đồng nguyên đơn:* Cháu Trần Nguyễn L, sinh ngày 14/5/2001 và cháu Trần Trí (Chí) T, sinh ngày 18/02/2001 (Vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Lâm và cháu Tâm:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1980. Cùng địa chỉ: Số 133, tổ 6, ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

*- Đồng bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Kim X, sinh năm: 1952. Địa chỉ: 338, tổ 7, ấp PN, xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Số 134, tổ 6, ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

3. Bà Trần Thanh H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 145, tổ 6, ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2018, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/01/2018).

2. NLQ2 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2018, vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/01/2018).

*Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Trần Thanh H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 145, tổ 6, ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

3. NLQ3 (Đã chết vào ngày 23/01/2016).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Thanh Sơn*:

- NLQ3.1 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2018, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/01/2018).

- NLQ3.2

- NLQ3.3.

- NLQ3.4.

Cùng địa chỉ: Số 154/4B, khóm ĐT5, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4:* NLQ3.1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2016) - (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2018, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/01/2018).

4. NLQ4 (Có mặt).

5. NLQ5 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2018, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/01/2018).

6. NLQ6 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. NLQ7 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị TH, bà Trần Thanh H; NLQ1; NLQ2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Bà Nguyễn Thị Tuyết H - Người đại diện theo pháp luật của đồng nguyên đơn cháu Trần Nguyễn L, Trần Trí (Chí) T và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày**:

Chồng bà tên Trần Thanh T, sinh năm 1969 (chết ngày 16/9/2010). Mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1924 (chết ngày 15/6/2012). Cha chồng của bà tên Trần Văn T, sinh năm 1916 (chết ngày 30/6/2003). Ông T và bà T có bảy người con gồm: Bà Trần Thị Kim X, NLQ1, NLQ2, bà Trần Thị Th, NLQ3, bà Trần Thanh H và ông Trần Thanh T. Ông T và bà T có các tài sản sau: Diện tích 4.550m$^2$ đất lúa thuộc thửa số 590; diện tích 5.270m$^2$ đất thổ vườn thuộc thửa số 587 đều nằm cùng tờ bản đồ số 10 và một căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 587 đều toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Ông T chết không để lại di chúc, có để lại đất ruộng để bà nuôi con là 08 (tám) công đất ruộng tầm lớn, đất này bà không biết nguồn gốc do đâu mà có, chỉ biết khi cưới bà về thì ông T đã có đất này rồi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đỏ đứng tên ông T, cách đây hai năm bà đã chuyển nhượng hết phần đất này. Ông T chết không để lại di chúc. Bà T chết có để lại di chúc đề ngày 27/01/2011, nội dung di chúc là cho hai đứa cháu nội của bà T (con của bà và ông Trần Thanh T) là cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T diện tích đất 3.745,5m$^2$ bao gồm đất hương hoả của gia đình chiều dài 105m, chiều ngang mặt ngoài 29m, chiều ngang mặt trong 42m, thuộc tờ bản đồ số 10, thửa đất số 590 và 587, toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, tạm thời bà sử dụng và quản lý, khi hai cháu đủ tuổi vị thành niên sẽ giao trả lại cho hai cháu. Di chúc này được UBND xã MTA chứng thực. Di chúc ngày 27/01/2011 là do bà Tạo và bà đến UBND xã Mong Thọ A làm, chị Huỳnh Minh Tr đánh máy di chúc giùm bà T, di chúc được làm xong thì bà T giữ, sau này khi bị bệnh thì bà T giao di chúc này lại cho bà, bản gốc hiện nay bà đang giữ.

Trong di chúc có cụm từ "cho đến khi hai đứa cháu tôi *đủ tuổi vị thành niên* sẽ giao trả lại quyền sử dụng đất". Bà không biết ý bà T nói đến khi nào thì giao tài sản của bà T lại cho hai con bà và đủ tuổi vị thành niên là bao nhiêu tuổi. Theo bà hiểu khi nào các con bà đủ 18 tuổi, thì bà giao lại tài sản của bà T cho các con của bà.

Bà yêu cầu các con của bà T, ông T và NLQ3.1 cùng các con của NLQ3.1 thực hiện theo di chúc của bà T, cho bà được quyền sử dụng tài sản của bà T để lại cho cháu L, cháu T là diện tích đất 3.696,2m$^2$. Vì sau khi bà T chết, bà quản lý tài sản của bà T để lại cho hai cháu L, T kể cả căn nhà của bà T với kết cấu nhà lợp mái lá, vách ván gỗ, nền lót gạch tàu, cửa lá sách gỗ, chiều ngang 6,2m, chiều dài 8,7m, nhưng bà X và bà Th đã khoá cửa căn nhà này lại không cho mẹ con bà ở.

Hiện tại bà X đang quản lý căn nhà này, các con của bà T không cho bà được quyền sử dụng đất trong khi bà vẫn đang quản lý phần đất bà T di chúc lại cho cháu L và cháu T là 3.696,2m$^2$. Bà phải cất tạm căn nhà lá có chiều ngang 4,1m, chiều dài 10,6m, nền xi măng, lợp tol sóng tròn trên đất bà T vào tháng 11/2013 để ở cùng hai con. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Bà không đồng ý hủy di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011; không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 3.696,2m$^2$ thuộc thửa số 590 và thửa số 587, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cho bảy người con của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T theo yêu cầu phản tố, độc lập của bà Trần Thị Kim X, NLQ1; NLQ2, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H cũng như yêu cầu độc lập của NLQ3.1 và các con của NLQ3.

Bà đồng ý cho bà Trần Thanh H được quyền sử dụng đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất 4.029,5m$^2$ bà T di chúc ngày 27/01/2011 (di chúc ghi tổng diện tích đất là 3.745,5m$^2$ nhưng thực tế là 4.029,5m$^2$, trong đó có cả đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$) theo yêu cầu phản tố bổ sung của bà H, không yêu cầu bà H phải thối lại giá trị của phần đất này cho bà cũng như cho cháu L, cháu T.

**Bị đơn bà Trần Thanh H và là đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2 trình bày**:

Bà Tuyết H trình bày về cha, mẹ, anh, chị, em bà là đúng. Khi cha bà còn sống, cha mẹ bà có tổng cộng 40.000m$^2$ đất ruộng toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Cha mẹ bà đã cho Trần Thanh T 11.000m$^2$ đất ruộng.

Sau khi cha bà chết, mẹ bà chỉ còn lại 29.000m$^2$ đất toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, mẹ bà (bà Tạo) chuyển nhượng lại cho bà 15.369m$^2$ đất và chuyển nhượng cho bà Trần Thị Th hơn 4.000m$^2$ đất, bà T còn lại 4.550m$^2$ đất lúa thuộc thửa số 590 và 5.270m$^2$ đất thổ vườn thuộc thửa số 587, đều nằm ở tờ bản đồ số 10.

Đối với số đất này, bà T chuyển nhượng tiếp cho bà 3.182m$^2$ đất thổ vườn giáp đất ông Trần Văn Ph, Lê Văn T, Lê Thị C; bà T cho bà Trần Thị Th 10m đất chiều ngang và cho bà Trần Cẩm G 10m đất chiều ngang (đất của bà Th và bà G nối tiếp nhau kéo dài từ kênh Cái Sắn chạy ra ruộng), tiếp theo đất của bà Th và NLQ2 thì bà T cho bà 03m đất đường đi từ kênh Cái Sắn ra phần đất 3.182m$^2$, phía bên kia đất còn lại của bà T thì bà T cho bà 03m đường nước để dẫn nước vô diện tích đất ruộng 15.369m$^2$ của bà. Tính tổng cộng thì bà T chỉ còn lại khoảng 4.000m$^2$ đất thuộc thửa số 587, 590; bà Tạo di chúc đất này cho cháu L và cháu T, sau này bà T lại lấy phần đất đã di chúc cho cháu L và cháu T chuyển nhượng lại cho NLQ3.

Việc chuyển nhượng 15.369m$^2$ đất của bà T, thì bản án số 221/2010/DS-PT ngày 06/8/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Công văn số 105 ngày 14/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang làm chứng cứ. Về việc bà T cho bà 03m đường nước thì có trích biên bản hoà giải ngày 17/01/2011 của UBND xã MTA làm chứng, về việc bà T cho bà 03m đường đi có tờ giấy cam kết đề ngày 31/3/2011 và biên bản có chính quyền chứng kiến cùng ngày làm chứng. Phần đường nước và đường đi bà T cho bà thì bà chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay bà đang trực tiếp sử dụng.

Bà không trực tiếp tham gia việc bà T yêu cầu huỷ di chúc, nhưng bà có nghe bà X nói lại. Theo bà tổng diện tích đất bà T còn lại sau khi ông T chết là 29.000m$^2$, bà T chuyển nhượng đi một phần, chỉ còn lại 4.029,5m$^2$ theo kết quả đo đạc thực tế ngày 30/8/2016, bà T di chúc phần đất này cho cháu L và cháu T là không đúng (trong di chúc ghi diện tích đất để lại là 3.745,5m$^2$). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667, K424668 bà đang giữ, không thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào.

Bà không đồng ý với yêu cầu của cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) vì diện tích đất mà bà T để lại cho cháu L và cháu T là tài sản, di sản của ông T, bà T và các con.

Bà yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011, vì tài sản bà T di chúc lại cho Trần Nguyễn L, Trần Trí T là tài sản cấp cho hộ gia đình, bà T đã chuyển nhượng hết, chỉ còn diện tích đất 3.696,2m$^2$.

Bà yêu cầu hủy di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011; chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 3.696,2m$^2$ thuộc thửa số 590 và thửa số 587, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CTh, tỉnh Kiên Giang cho bảy người con của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền sử dụng đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất 4.029,5m$^2$ bà T di chúc ngày 27/01/2011 (di chúc ghi tổng diện tích đất là 3.745,5m$^2$ nhưng đo đạc thực tế là 4.029,5m$^2$, trong đó có cả đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$).

**Bị đơn bà Trần Thị Kim X trình bày**:

Bà Tuyết H trình bày về cha, mẹ, anh, chị, em tôi là đúng. Năm 1960, ông T và bà T có nhận chuyển nhượng  được 30 công đất ruộng toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Sau khi vô tập đoàn, khoảng năm 1978-1979, tập đoàn trả lại cho gia đình ông T và bà T 30 công đất ruộng toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa xanh đứng tên ông T. Sau này chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đỏ thì bà T cho ông T 10 công ruộng tầm nhỏ, số đất còn lại bà T chuyển nhượng dần cho bà Trần Thanh H và cho bà Trần Thanh H tổng cộng là 16 công tầm lớn, làm lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại gồm 4.550m$^2$ đất lúa thuộc thửa 590 và 5.270m$^2$ đất thổ vườn thuộc thửa số 587, tờ bản đồ số 10 đều toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Bà T chuyển nhượng tiếp cho bà Trần Thanh H 2,5 công tầm lớn, còn số tài sản còn lại thì bà T di chúc cho Trần Trí T và Trần Nguyễn L. Không nhớ năm nào, nhưng sau khi lập di chúc ngày 27/01/2011, bà T có đi cùng bà và NLQ3, lúc này bà T bị đau cột sống, không đi được nên bà để bà T lên xe đẩy bằng cây đưa bà T đến UBND xã MTA, bà T yêu cầu huỷ di chúc đề ngày 27/01/2011, có mặt chị Tr (Cán bộ Tư pháp xã), ông Nguyễn Văn D (Phó Chủ tịch xã), nhưng bà Nguyễn Thị Thanh V (Bí thư xã) không đồng ý cho bà T huỷ di chúc theo yêu cầu của bà T. Hiện nay bà đang quản lý căn nhà của bà T có trên đất tranh chấp.

**Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày**:

Bà có nhận chuyển nhượng của bà T 04 công đất ruộng tầm lớn cách nay khoảng 5-6 năm với giá một công là 27.000.000 đồng, bà chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà T sang tên bà, thì bà đã chuyển nhượng đất này cho nhà máy lau bóng gạo TrTh với giá 50.000.000 đồng/công tầm lớn, bà T sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà T cho nhà máy lau bóng gạo TrTh.

Bà T có cho bà phần đất chiều ngang 10m chạy dài từ kênh Cái Sắn vô 40m (có trích biên bản hoà giải ngày 17/01/2011 của UBND xã MTA làm chứng), bà chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T không cho bà sang tên dù bà đã cất nhà ở trên đất này từ năm 1988 cho đến nay. Ngoài phần đất này ra thì bà không còn phần đất nào khác. Bà không trực tiếp tham gia việc bà T yêu cầu huỷ di chúc, nhưng bà có nghe bà X và NLQ3 nói lại.

**NLQ1 trình bày**:

Trước kia ông T và bà T có khoảng 40 công đất ruộng toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Sau khi rã tập đoàn, tập đoàn trả lại cho ông T và bà T khoảng 30-40 công đất ruộng, ông không rõ diện tích đất là bao nhiêu vì ông không ở chung với gia đình. Khi ông T còn sống, bà T đã cho Trần Thanh Tòng 10 công đất ruộng tầm nhỏ, ông T đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng hết, chỉ còn lại phần đất bà T di chúc cho cháu L và cháu T. Khi bà T chết, trên đất của bà T có ba căn nhà gồm: Nhà bà T với kết cấu xây tường, lợp thiếc, nền gạch tàu (nhà này đã dỡ bỏ để làm lộ), nhà ông T có kết cấu vách lá dừng lá, máy lợp lá (nhà này đã hư cũ, bà H đã dựng lại nhà khác), nhà thờ cúng có kết cấu lợp thiếc, vách thiếc và ván, nền gạch tàu. Ông không trực tiếp tham gia việc bà T yêu cầu huỷ di chúc, nhưng ông có nghe bà X nói lại.

**NLQ2 trình bày**:

Bà T có cho bà phần đất chiều ngang 10m, chiều dài khoảng 87m nằm phía sau đất của bà Trần Thị Th, có trích biên bản hòa giải ngày 17/01/2011 của UBND xã MTA làm chứng, bà chưa sang tên phần đất này do bà không cho bà sang tên dù bà có trồng cây Xoài, cây Bạch Đàn trên đất từ năm 2004 đến nay, ngoài ra bà không còn đất nào khác. Bà không trực tiếp tham gia việc bà T yêu cầu huỷ di chúc, nhưng bà có nghe bà X nói lại.

* Bà X, bà Th, NLQ1, NLQ2 không đồng ý với yêu cầu của cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) vì diện tích đất mà bà T để lại cho cháu L và cháu T là tài sản, di sản của ông T, bà T và các con; yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011,vì tài sản của bà T di chúc lại cho Trần Nguyễn L, Trần Trí T là tài sản cấp cho hộ gia đình, bà T đã chuyển nhượng hết, chỉ còn lại diện tích đất 3.696,2m$^2$, hủy di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 3.696,2m$^2$ thuộc thửa 590 và thửa 587, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cho bảy người con của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T; đồng ý cho bà Trần Thanh H được sử dụng riêng đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất qua đo đạc thực tế 4.029,5m$^2$ theo yêu cầu phản tố bổ sung của bà H, không yêu cầu bà H phải thối lại giá trị của phần đất này cho các ông bà.

**NLQ3.1 trình bày**:

Chồng bà là NLQ3, sinh năm 1957 (Chết ngày 23/01/2016), không có để lại di chúc. Năm bà 16 tuổi, NLQ3 cưới bà về thì cha mẹ NLQ3 có cho hai vợ chồng bà 06 công ruộng và 02 liếp rẫy, vợ chồng bà làm được khoảng 04 năm thì đi nơi khác sinh sống, sau này về LX sống. Phần đất này bà T chuyển nhượng lại cho Trần Thanh H. Đối với phần đất này thì mẹ con bà không có tranh chấp gì.

Bà và NLQ3 có ba người con là NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4, ngoài ra NLQ3 không có vợ, con nào khác. Bà không trực tiếp tham gia việc bà T yêu cầu huỷ di chúc, nhưng bà có nghe NLQ3 nói lại.

Bà không đồng ý với yêu cầu của cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) vì tài sản mà bà T để lại cho cháu L và cháu T là di sản, tài sản của ông T, bà T và các con.

Bà yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011; chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 3.696,2m$^2$ thuộc thửa số 590 và thửa số 587, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang mà bà Nguyễn Thị T di chúc lại cho Trần Nguyễn L, Trần Trí T mang chia đều cho bảy người con của bà T và ông Trần Văn T, trong đó NLQ3 cũng được hưởng một phần, thì bà và các con của NLQ3 là NLQ.2; MLQ3.3; NLQ3.4 được thừa hưởng phần của NLQ3.

Đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất 4.029,5m$^2$ bà T di chúc ngày 27/01/2011 (di chúc ghi tổng diện tích đất là 3.745,5m$^2$ nhưng thực tế là 4.029,5m$^2$, trong đó có cả đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$) thì bà không đồng ý cho bà Hà được sử dụng riêng theo yêu cầu phản tố bổ sung của bà H, mà bà yêu cầu để diện tích đường dẫn nước vào ruộng này cho thân tộc của bà Nguyễn Thị T sử dụng chung. Nếu Tòa án xử giao đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ này cho bà H được quyền sử dụng thì bà không yêu cầu bà Hà phải thối lại giá trị của phần đất này cho tôi và các con của bà

**NLQ6; NLQ7 trình bày**:

Anh chị là con của NLQ2 và ông Trần Văn Đ, anh chị gọi bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T là bà ngoại và ông ngoại. Anh chị có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình bà Nguyễn Thị T năm 1998 ngụ tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang là do khi sinh anh chị ra, NLQ6 khó nuôi và cha mẹ ly hôn, nên mẹ gửi anh chị cho bà ngoại nuôi từ khi NLQ6 được hai tuổi và NLQ7 mới sinh ra. Đến khi NLQ6 20 tuổi, thì chị đi làm ăn xa, còn khi NLQ7 được 13 tuổi, thì anh đi theo mẹ làm ghe cào ở HT, nên anh chị không còn ở chung với bà ngoại nữa.

NLQ6 không biết ai đã tách tên chị ra khỏi sổ hộ khẩu, còn NLQ7 thì nghe người ta nói cậu út là ông Trần Thanh T đã tách tên anh chị ra khỏi sổ hộ khẩu của gia đình bà Nguyễn Thị T và thời gian tách khẩu anh chị cũng không rõ.

Ngày 20/5/2009, bà Trần Thanh H làm lại sổ hộ khẩu cho anh chị cùng ngụ ở ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 04/02/2013, NLQ6 tách khẩu theo chồng về nhập khẩu tại ấp MQ, thị trấn CD, huyện PhH, tỉnh Hậu Giang. Anh chị chỉ có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình bà Nguyễn Thị T năm 1998, cùng ngụ ở ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang chứ anh chị không có góp phần công sức gì đối với tài sản của ông T và bà T, kể cả phần đất hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667 và K 424668 bao gồm diện tích đất 5.270m$^2$ đất thổ vườn thuộc thửa số 587 và diện tích đất 4.550m$^2$ đất lúa thuộc thửa số 590, tờ bản đồ số 10 và cùng một căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10 đều toạ lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Đối với tài sản, di sản của ông T, bà T để lại, anh chị yêu cầu Tòa án chia cho các con của ông T, bà T theo yêu cầu của họ, anh chị không có tranh chấp gì trong vụ án này.

* Tại phiên hòa giải ngày 11/01/2017, các ông, bà Nguyễn Thị Tuyết H (Người đại diện theo pháp luật của cháu L, cháu T và NLQ4), Trần Thanh H (đồng bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2), Trần Thị Kim X, Trần Thị Th, NLQ1, NLQ3.1 tự nguyện thống nhất:

1. Diện tích đất bà Nguyễn Thị T di chúc lại cho cháu Trần Chí T (Trần Trí T) và cháu Trần Nguyễn L ngày 27/01/2011 ghi là 3.745,5 m$^2$ nhưng tổng diện tích

đất tranh chấp qua đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016 là 4.029,5m$^2$, trong đó có cả đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$; các đương sự tự nguyện thống nhất là diện tích đất bà Nguyễn Thị T di chúc lại cho cháu Trần Chí T và cháu Trần Nguyễn L ngày 27/01/2011 là 3.696,2m$^2$ thay vì 3.745,5m$^2$ đất như đã yêu cầu trước kia, diện tích đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016 là 4.029,5m$^2$ không nằm trong diện tích đất bà Nguyễn Thị T di chúc lại cho cháu Trần Chí T và cháu Trần Nguyễn L ngày 27/01/2011.

2. Về dòng chữ *"đủ tuổi vị thành niên"* ghi trong di chúc của bà T ngày 27/01/2011: Các đương sự tự nguyện thống nhất là đến khi cháu Trần Nguyễn L, cháu Trần Chí T đủ mười tám tuổi thì chị Nguyễn Thị Tuyết H có nghĩa vụ giao trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.696,2m$^2$ cho cháu Trần Nguyễn L, cháu Trần Chí T.

3. Các đương sự tự nguyện thống nhất lấy giá trị tài sản theo chứng thư định giá số 123/CT-ĐGBĐS/KGRE ngày 08-8-2014, tính giá trị theo thị trường đối với đất tranh chấp, tính trung bình, không phân vị trí là 196.000đồng/m$^2$, nhà chị H đang sử dụng có giá 40.248.488 đồng, nhà bà T có giá trị 30.660.867 đồng làm căn cứ tính giá trị tài sản tranh chấp vào thời điểm Tòa án giải quyết năm 2017, không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

4. Đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ nằm trong tổng diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016 là 4.029,5m$^2$, trước kia thì thân tộc của bà Nguyễn Thị T sử dụng chung, nhưng từ tháng 10/2013 âm lịch đến nay thì do bà Trần Thanh H quản lý, sử dụng, trên phần đất này không có cây trồng.

5. Căn nhà của bà T để lại mà hiện nay bà X quản lý và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp 3.696,2m$^2$ thì các đương sự tự nguyện thống nhất là Tòa án xử giao đất cho ai được quyền sử dụng, trên đất có nhà của bà T, có cây trồng trên đất thì người đó được toàn quyền sở hữu cả nhà của bà T để lại cũng như cây trồng trên đất (đất được chia có gì trên đất thì người được chia đất được sở hữu cả tài sản có trên đất), không yêu cầu định giá cây trồng có trên đất tranh chấp.

* Tại biên bản ghi lời khai vào các ngày 28, 29, 30/3/2017, các ông, bà Nguyễn Thị Tuyết H (Người đại diện theo pháp luật của cháu L, cháu T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), Trần Thanh H (đồng bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2), Trần Thị Kim X, Trần Thị Th, NLQ1; NLQ3.1 trình bày:

Ngoài diện tích đất 4.029,5m$^2$ đang tranh chấp đã đo đạc vào ngày 30/8/2016 nêu trên, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T còn có tài sản, di sản là phần đất giáp ranh diện tích đất 4.029,5m$^2$, cũng thuộc các thửa đất số 587, 590, tờ bản đồ số 10 với chiều ngang mặt ngoài giáp kênh Cái Sắn khoảng 20 mét, chiều dài từ

kênh Cái Sắn đến giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H. Đối với phần đất này thì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp gì đối với phần đất này, các đương sự sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết H (Người đại diện theo pháp luật của cháu L, cháu T và là NLQ4) vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và yêu cầu để diện tích đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ cho thân tộc của bà Nguyễn Thị T sử dụng chung; nếu Tòa án xử giao đường dẫn nước vào ruộng có diện tích 333,3m$^2$ này cho bà H được quyền sử dụng thì bà không yêu cầu bà H phải thối lại giá trị của phần đất này cho bà và cháu L, cháu T.

Bà Trần Thanh H (đồng bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2), bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, NLQ1và NLQ3.1 vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định**:

1 - Tuyên bố: Bản di chúc do bà Nguyễn Thị T lập vào ngày 27/01/2011, được Ủy ban nhân dân xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang chứng thực vào ngày 09/02/2011 là di chúc không có hiệu lực pháp luật.

2 - Công nhận cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) được quyền sử dụng tổng diện tích đất lúa, thổ, vườn là 3.696,2m$^2$ thuộc thửa đất số 587, thửa đất số 590, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667, K 424668 được Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998 có trong tổng diện tích đất đã đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016, cụ thể:

- Cạnh 1-2 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 25,4m;
- Cạnh 2-3 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 3,30m;
- Cạnh 4-5 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 10,3m;
- Cạnh 5-6 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 67,45m;
- Cạnh 6-7 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 11,40m;
- Cạnh 10-11 giáp đường bê tông = 26,0m;
- Cạnh 11-12 giáp phần đất còn lại của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T = 51,76m;
- Cạnh 12-1 giáp phần đất còn lại của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T = 55,40m.

Công nhận cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng có trên toàn bộ diện tích đất nêu trên và căn nhà của bà Nguyễn Thị T có trên thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

với kết cấu nhà lợp mái lá, vách ván gỗ, nền lót gạch tàu, cửa lá sách gỗ, chiều ngang 6,2m, chiều dài 8,7m.

Buộc bà Trần Thị Kim X phải có nghĩa vụ giao quyền sở hữu căn nhà của bà Nguyễn Thị T cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật).

Hiện nay cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T chưa đủ mười tám tuổi nên bà Nguyễn Thị Tuyết H (Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T) được tạm thời quản lý, sử dụng diện tích đất, cây trồng có trên đất và căn nhà của bà Nguyễn Thị T mà cháu L và cháu T được chia nêu trên; đến khi cháu L, cháu T đủ mười tám tuổi, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải có nghĩa vụ giao trả lại cho cháu L, cháu T được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên và được quyền sở hữu căn nhà của bà Nguyễn Thị T, cây trồng có trên đất.

3 - Buộc cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) phải có nghĩa vụ thối lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kim X, NLQ1; NLQ2 (do bà Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền), bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H, mỗi người là 30.184.000đ (Ba mươi triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng) và thối lại giá trị quyền sử dụng đất cho NLQ3.1 cùng các NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4 là 30.184.000đ (Ba mươi triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

4 - Căn nhà lá có chiều ngang 4,1m, chiều dài 10,6m, nền xi măng, lợp tol sóng tròn của bà Nguyễn Thị Tuyết H có trên thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

5 - Công nhận cho bà Trần Thanh H được quyền sử dụng diện tích đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667 được Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998 có trong tổng diện tích đất đã đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016, cụ thể:

- Cạnh 3-4 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 3,0m;

- Cạnh 4-7 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 67,34m;

- Cạnh 7-8 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 3,0m;

- Cạnh 8-9 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 41,29m;

- Cạnh 9-10 giáp đường bê tông = 3,0m;

- Cạnh 10-16 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 44,20m;

- Cạnh 16-17 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 3,0m;

- Cạnh 17-3 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 64,28m.

Bà Trần Thanh H không phải có nghĩa vụ thối lại giá trị đường dẫn nước vào ruộng nêu trên cho các thừa kế còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

**Ngày 05/10/2017, đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H và NLQ1; NLQ2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung**:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia đều tài sản thừa kế của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T chết để lại là diện tích đất thổ vườn và lúa diện tích 3.696,2m$^2$ cho bảy người con của ông T, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H và NLQ1; NLQ2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, bà Nguyễn Thị Tuyết H - Người đại diện theo pháp luật của đồng nguyên đơn cháu Trần Nguyễn L, Trần Trí (Chí) T và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H và NLQ1; NLQ2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CTh, tỉnh Kiên Giang, công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị Tạo lập ngày 27/01/2011 có hiệu lực một phần.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ6; NLQ7 đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt NLQ6; NLQ7.

[2] Về nội dung: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử công nhận cho bà Trần Thanh H được quyền sử dụng diện tích đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667 đã được Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998 có trong tổng diện tích đất đã đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016, thì các bên đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Mặc khác, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án, thì bà Trần Thanh H đã nộp cho Tòa án bản sao hai giấy chứng nhận quyền sử dụng của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T thể hiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã đánh biến động cho bà Trần Thanh H sử dụng diện tích 146,9m$^2$ tại thửa 902 và 205,1m$^2$ tại thửa 903 với tổng diện tích 352m$^2$ (hai thửa 902, 903 được tách ra từ thửa 587) vượt quá diện tích yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 18,7m$^2$. Do đó, các đương sự trong vụ án, nếu có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm các ông bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H, NLQ1; NLQ2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của NLQ3 gồm NLQ3.1; NLQ3.2; NLQ3.3 (Do NLQ3.1 là người đại diện) đều thừa nhận tài sản bà Nguyễn Thị T lập di chúc đề ngày 27/01/2011 cho Trần Nguyễn L, Trần Trí (Chí) T là tài sản cấp cho hộ gia đình, bà Tạo đã chuyển nhượng hết, chỉ còn lại diện tích 3.696,2m$^2$. Các ông bà yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất còn lại cho bảy người con của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T (BL 436, 442, 447, 453, 458, 486, 487, 488).

Tại Công văn số 175/CV-TNMT ngày 28/7/2014 và Công văn số 43/CV-TNMT ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang xác định: Việc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667, K 424668 là cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tạo, không phải cấp cho cá nhân bà Tạo (BL 169, 543).

Tại sổ hộ khẩu gia đình số 00286, thể hiện những người có tên trong hộ khẩu gồm có: Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Thanh T, NLQ6; NLQ7 (BL 593). Điều này phù hợp với xác nhận của Công an xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang tại Công văn số 08/CV-CAX ngày 25/5/2017 (BL 629). Riêng NLQ6; NLQ7 thừa nhận anh chị chỉ có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình bà Nguyễn Thị T năm 1988, nhưng không có công sức gì đóng góp đối với tài sản của ông T, bà T.

Anh chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này và yêu cầu Tòa án chia di sản của ông T, bà T cho các con của ông T, bà T (BL 603, 608). Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667, K 424668 (năm 1997-1998) thì những người được cấp quyền sử dụng đất trong hộ gia đình bà Tạo gồm có: Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh T.

Tổng diện tích đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được cấp của các thửa 587, 590 tờ bản đồ số 10 là 5.270m$^2$ + 4.550m$^2$ = 9.820m$^2$. Nên mỗi thành viên trong gia đình bà T được quyền định đoạt 9.820m$^2$ : 3 = 3.2773,33m$^2$.

Xét về di chúc của bà Nguyễn Thị T đề này 27/01/2017 thể hiện bà Nguyễn Thị T lập di chúc để lại phần đất có diện tích 3.745,5m$^2$, thuộc thửa số 587 và 590, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang và trên đất có căn nhà cấp 4 cho Trần Nguyễn L và Trần Chí T. Di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã MTA chứng thực ngày 09/02/2011, hình thức di chúc đã thực hiện đúng quy định Điều 653, 658 Bộ luật dân sự 2005 (BL 468, 469). Về nội dung của di chúc, bà Tạo di chúc cho cháu L, cháu T diện tích đất 3.745,4m$^2$ là vượt quá quyền hạn của bà T. Tuy nhiên, tại thời điểm bà T lập di chúc thì chưa thực hiện phân chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông T để lại được quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự, nên bà Tạo không biết tài sản của mình có quyền định đoạt là bao nhiêu. Tuy nhiên, nội dung trong di chúc đã thể hiện được ý chí của bà Tạo là muốn để lại phần tài sản của mình cho cháu L và cháu T. Nên di chúc của bà Nguyễn Thị T đề ngày 27/01/2011 có hiệu lực một phần đối với diện tích đất của bà T được quyền định đoạt.

[3] Do đó, kháng cáo của đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh Hàvà NLQ1; NLQ2 yêu cầu xem xét chia đều tài sản thừa kế của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T chết để lại là diện tích đất thổ vườn và lúa diện tích 3.696,2m$^2$ cho bảy người con của ông T, bà T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H và NLQ1; NLQ2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang về công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị Tạo đề ngày 27/01/2011 có hiệu lực một phần.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng giá trị tài sản cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T được hưởng là 573.998.739 đồng (bao gồm diện tích đất 2.772,132m$^2$ tương đương với số tiền 543.337.872 đồng và căn nhà của bà Nguyễn Thị T có giá trị 30.660.867 đồng). Nên buộc cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) phải nộp án phí sơ thẩm trên số tiền 573.998.739 đồng = [20.000.000 đồng + (173.998.739 x 4%)] = 26.959.950 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bà Trần Thị Kim X phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: 30.184.000 đồng x 5% = 1.509.200 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bà Trần Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: 30.184.000 đồng x 5% = 1.509.200 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc NLQ1 phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: 30.184.000 đồng x 5% = 1.509.200 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc NLQ2 phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: 30.184.000 đồng x 5% = 1.509.200 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc NLQ3.1 và các NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4 phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: 30.184.000 đồng x 5% = 1.509.200 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bà Trần Thanh H phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị được chia là: (30.184.000 đồng + 65.326.800 đồng) x 5% = 4.775.540 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim X, bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H, NLQ1; NLQ2 không phải nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà X, bà Th, bà H, NLQ1; NLQ2.

[5] Chi phí tố tụng khác:

Chi phí đo đạc với số tiền 1.021.000đ *(Một triệu không trăm hai mươi mốt nghìn đồng)*, bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 658, 674, 675, 676, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn bà Trần Thị Kim Xuyến, bà Trần Thị Thủy, bà Trần Thanh Hà và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh Long, bà Trần Cẩm Gấm.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Công nhận một phần Bản di chúc do bà Nguyễn Thị T lập vào ngày 27/01/2011 được Ủy ban nhân dân xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang chứng thực vào ngày 09/02/2011 là di chúc có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) được quyền sử dụng tổng diện tích đất lúa, thổ, vườn là 3.696,2m$^2$ thuộc thửa đất số 587 và 590, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667 và K 424668 được Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998 có trong tổng diện tích đất đã đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016, cụ thể:

- Cạnh 1-2 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 25,4m;

- Cạnh 2-3 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 3,30m;

- Cạnh 4-5 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 10,30m;

- Cạnh 5-6 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 67,45m;

- Cạnh 6-7 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 11,40m;

- Cạnh 10-11 giáp đường bê tông = 26,0m;

- Cạnh 11-12 giáp phần đất còn lại của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T = 51,76m;

- Cạnh 12-1 giáp phần đất còn lại của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T = 55,40m.

Công nhận cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng

có trên toàn bộ diện tích đất nêu trên và căn nhà của bà Nguyễn Thị T có trên thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang với kết cấu nhà lợp mái lá, vách ván gỗ, nền lót gạch tàu, cửa lá sách gỗ, chiều ngang 6,2m, chiều dài 8,7m.

Buộc bà Trần Thị Kim X phải có nghĩa vụ giao quyền sở hữu căn nhà của bà Nguyễn Thị T cho cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật).

Hiện nay cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T chưa đủ mười tám tuổi nên bà Nguyễn Thị Tuyết H (Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T) được tạm thời quản lý, sử dụng diện tích đất, cây trồng có trên đất và căn nhà của bà Nguyễn Thị T mà cháu L và cháu T được chia nêu trên. Đến khi cháu L, cháu T đủ mười tám tuổi, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải có nghĩa vụ giao trả lại cho cháu L, cháu T được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên và được quyền sở hữu căn nhà của bà Nguyễn Thị T, cây trồng có trên đất.

3. Buộc cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) phải có nghĩa vụ thối lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kim X, NLQ1; NLQ2 (do bà Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền), bà Trần Thị Th, bà Trần Thanh H, mỗi người là 30.184.000đ *(Ba mươi triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng)* và thối lại giá trị quyền sử dụng đất cho NLQ3.1 cùng các NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4 là 30.184.000đ *(Ba mươi triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn nhà lá có chiều ngang 4,1m, chiều dài 10,6m, nền xi măng, lợp tol sóng tròn của bà Nguyễn Thị Tuyết H có trên thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

5. Công nhận cho bà Trần Thanh H được quyền sử dụng diện tích đường dẫn nước vào ruộng 333,3m$^2$ thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 424667 được Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998 có trong tổng diện tích đất đã đo đạc thực tế vào ngày 30/8/2016, cụ thể:

- Cạnh 3-4 giáp đất ruộng của bà Trần Thanh H = 3,0m;

- Cạnh 4-7 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 67,34m;

- Cạnh 7-8 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 3,0m;

- Cạnh 8-9 giáp đất của ông Phạm Văn Tr = 41,2m;

- Cạnh 9-10 giáp đường bê tông = 3,0m;

- Cạnh 10-16 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 44,20m;

- Cạnh 16-17 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 3,0m;

- Cạnh 17-3 giáp phần đất cháu cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí T được chia = 64,28m.

Bà Trần Thanh H không phải có nghĩa vụ thối lại giá trị đường dẫn nước vào ruộng nêu trên cho các thừa kế còn lại.

6. Về án phí:

Buộc cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 26.959.950đ *(Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng)*, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí cháu Trần Nguyễn Lâ và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) đã nộp là 1.873.000đ *(Một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05765 ngày 28/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Cháu Trần Nguyễn L và cháu Trần Trí (Chí) T (do bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo pháp luật) còn phải nộp thêm là 25.086.950đ *(Hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi đồng)*.

Buộc bà Trần Thị Th, NLQ1, NLQ2, bà Trần Thị Kim X mỗi người phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.509.200đ *(Một triệu năm trăm lẽ chín nghìn hai trăm đồng)*, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 2.622.000đ *(Hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007045 ; 0007046 ; 0007047 ; 0007049 cùng ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Bà Th, NLQ1; NLQ2, bà X mỗi người còn được nhận lại số tiền là 1.112.800đ *(Một triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm đồng)*.

Buộc NLQ3.1 và các NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4 phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.509.200đ *(Một triệu năm trăm lẽ chín nghìn hai trăm đồng)*, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.622.000đ *(Hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007069 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên

Giang. NLQ3.1 và NLQ3.2; NLQ3.3; NLQ3.4 còn được nhận lại số tiền là 1.112.800đ *(Một triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm đồng)*.

Buộc bà Trần Thanh H phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.775.540đ *(Bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi đồng)*, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.322.000đ *(Bốn triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007044 ngày 09/5/2016 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002516 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thanh H còn phải nộp thêm số tiền 453.540đ *(Bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho NLQ1, bà Trần Thị Th, NLQ2, bà Trần Thanh H, bà Trần Thị Kim X tiền tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009980, 0009981, 0009982, 0009983, 0009984 cùng ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện chịu chi phí đo đạc với số tiền là 1.021.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* và đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện CT;
- THA dân sự huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đình Thi**